

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ P  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Bản án số: 15/2021/HSST  
Ngày: 05/3/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Văn Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Ngô Thị Thao

Bà Nguyễn Thị Bắc

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Sứ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:*** Ông Trịnh Nguyễn Thành An - Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2021/HSST ngày 22 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS, ngày 05 tháng 02 năm 2021:

**Ngô Thanh T (L);** sinh ngày 24/8/1997 tại Gia Lai; Nơi ĐKKHKT: Tổ 2, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Trú tại: Tổ 6, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Ngô B, sinh năm 1945 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1952; Bị cáo chưa có vợ và con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/10/2020 cho đến nay (có mặt tại phiên tòa) (hiện đang bị Tạm giam tại Trại tạm giam T20, Công an tỉnh Gia Lai).

**\*Người bị hại:**

- Anh Ngô Văn T, sinh năm 1975 (Có mặt);

Địa chỉ: 34/19 Tuệ T, tổ 6, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-Chị Ngô Nguyễn Lệ V, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 34/19 Tuệ T, tổ 6, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**Người đại diện hợp pháp:** Anh Ngô Văn T, sinh năm 1975

Địa chỉ: 34/19 Tuệ T, tổ 6, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/11/2020).

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Anh Nguyễn Phúc N, sinh năm 2000 (Có mặt);

Địa chỉ: 40/10 Nguyễn Bá N, tổ 1, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Ông Trần Duy X, sinh năm 1952 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 12 Lê L, tổ 5, phường Hội T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Anh Nguyễn Đình P, sinh năm 1982 (Có mặt);

Địa chỉ: 223 Lê D, phường Phù Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-Anh Trần Đình P, sinh năm 1967 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 4, phường Hội T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

-Chị Ngô Thị Diễm M sinh năm 1999 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 34/19 Tuệ T, tổ 6, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Thanh T là người có sử dụng ma túy. Đầu tháng 9/2020, T đến ở tại nhà anh Ngô Văn T (sinh năm 1975, trú Tổ 6, phường Ia K, TP.P), là anh ruột của T. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/10/2020, lợi dụng lúc anh T đi làm, nhà không có người trông coi, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh T để bán lấy tiền tiêu xài và sử dụng ma túy. T đi xuống phòng bếp thì nhìn thấy trên kệ bếp có 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, bên trong bọc ngà voi, chạm khắc hình rồng và 01 chiếc nhẫn bằng kim loại màu vàng, mặt trên có đính đá màu đỏ, nên lấy 02 chiếc nhẫn này cất giấu vào túi quần; đây là nhẫn của anh T. Tiếp đó, T lấy chìa khóa và điều khiển xe mô tô hiệu SYM, loại xe Attila, biển số 81B2-094.55 của anh T bỏ trốn. Sau khi lén lút chiếm đoạt nhẫn và xe mô tô của anh T, T đến hiệu vàng Xên (ở số 12 đường Lê L, Tổ 5, phường Hội T, TP.P) bán chiếc nhẫn bên trong bọc ngà voi cho ông Trần Duy X (sinh năm 1952, là chủ hiệu vàng) được 2.950.000 đồng sử dụng tiêu xài. Khoảng 10 giờ ngày 04/10/2020, T nhờ Nguyễn Phúc N (sinh năm 2000, trú số 40/10 đường Nguyễn Bá N, Tổ 01, phường Trà B, TP.P - là bạn của T) mang chiếc nhẫn có đính đá màu đỏ đi cầm cố. N mang chiếc nhẫn trên đến hiệu vàng Kim V (ở Tổ 4, phường Hội T, TP.P) cầm cố cho ông Trần Đình P (sinh năm 1967, là chủ hiệu vàng) lấy 2.500.000 đồng về đưa cho T. Đến ngày 06/10/2020, T muốn cầm cố xe mô tô 81B2-094.55 để lấy tiền, nhưng do không có giấy tờ tùy thân nên T nhờ Võ Trần Anh P (sinh năm 1996, trú Tổ 2, phường Diên H, TP.P - là bạn của T) đi cầm cố giúp. P điều khiển xe mô tô 81B2-094.55 đến tiệm cầm đồ Hoàng Đ I (số 233 đường Lê D, Tổ 6, phường Phù Đ, TP.P) cầm cố cho anh Nguyễn Đình P (sinh năm 1982, là chủ tiệm) lấy 1.500.000 đồng và đưa lại cho T.

Toàn bộ số tiền có được từ việc bán, cầm cố tài sản chiếm đoạt của anh T, T đã tiêu xài và sử dụng ma túy hết. Đối với anh T, sau khi phát hiện bị T chiếm đoạt tài sản, thì ngày 08/10/2020 đã đến Công an phường Ia K, TP.P trình báo, đồng thời đưa T ra đầu thú. Trên cơ sở lời khai của T, ngày 09/10/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã thu giữ xe mô tô 81B2-094.55 và 01 hợp đồng cầm cố xe mô tô này tại tiệm cầm đồ Hoàng Đ I; thu giữ 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng bên trong bọc ngà voi tại hiệu vàng X. Đối với chiếc nhẫn có đính đá màu đỏ, khi hết thời hạn cầm cố nhưng không có người đến chuộc lại, ông P đã bán cho người khác (không xác định được người mua), nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Qua điều tra, xác định chiếc nhẫn có đính đá màu đỏ nêu trên được làm bằng vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ .

Qua định giá, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP.P kết luận các tài sản Ngô Thanh T chiếm đoạt của anh Ngô Văn T vào ngày 02/10/2020 có trị giá như sau: Xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Attila màu đen, biển số 81B2-094.55 trị giá 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng); nhẫn bọc ngà voi, chạm khắc hình rồng (được làm bằng vàng, hàm lượng vàng 60,36%, khối lượng 6,6401 gam) trị giá 4.050.000đ (Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng); nhẫn có đính đá màu đỏ (được làm bằng vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ) trị giá 3.480.000đ (Ba triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.P đã xử lý trả lại các tài sản trên cho anh Thu.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như những tình tiết nêu trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá của Hội đồng định giá.

Tại Cáo trạng số: 16/CTr-VKS ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố Ngô Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

\*Áp dụng khoản 1 Điều 173 và điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Ngô Thanh T từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản.

**Về dân sự:** Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585 của Bộ luật dân sự, đề nghị HĐXX buộc bị cáo Ngô Thanh T phải bồi thường cho Trần Duy X số tiền 2.950.000đ.

Trước khi HĐXX nghị án bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin lỗi người bị hại và gia đình. Bị cáo đã biết mình phạm tội, xin HĐXX giảm nhẹ, cho bị cáo mức án nhẹ nhất, để bị cáo sớm về với gia đình, trở thành công dân có ích cho xã hội.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Ngô Thanh T tại phiên tòa phù hợp lời khai tại hồ sơ, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Ngô Thanh T là em ruột của ông Ngô Văn T và ở cùng nhà anh T tại Tổ 6, phường Ia K, TP.P, tỉnh Gia Lai từ tháng 9/2020. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/10/2020, lợi dụng anh T đi làm và không có người trông coi nhà, T đã lén lút chiếm đoạt của anh T xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Attila màu đen, biển số 81B2-094.55 và 02 chiếc nhẫn bằng vàng, có tổng trị giá 11.030.000 đồng (mười một triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng), rồi bỏ trốn. Đến ngày 08/10/2020, T ra đầu thú.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến an ninh trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, nên đã phạm vào tội trộm cắp tài sản theo quy định Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 11.030.000đ nên đã phạm vào tội trộm cắp tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo Ngô Thanh T là thanh niên tuổi đời còn trẻ, có khả năng lao động, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo đồng thời bị cáo đã tác động để anh T thay bị cáo bồi thường cho anh Ngô Đình P số tiền 1.500.000đ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s Khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 mà Viện kiểm sát đề nghị cho bị cáo được hưởng khi quyết định hình phạt là có cơ sở cần chấp nhận. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên bị cáo Ngô Thanh T là đối tượng sử dụng ma túy, nhưng không có nghề nghiệp ổn định. Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định. Do đó HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với Trần Duy X, Trần Đình P, Nguyễn Đình P, là những người mua, nhận cầm cố tài sản do Ngô Thanh T trộm cắp được; anh Nguyễn Phúc N, là người giúp T cầm cố nhẫn do T trộm cắp được, nhưng ông X, P và P đều không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có. Do vậy, không xem xét, xử lý đối với anh N, anh P, ông X, ông P về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là phù hợp.

Đối với Võ Trần Anh P, là người giúp Ngô Thanh T đi cầm cố xe mô tô 81B2-094.55 và đứng tên trong Hợp đồng cầm cố xe mô tô này, quá trình điều tra do P không có mặt tại nơi cư trú, nên Cơ quan điều tra chưa làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đang tiếp tục xác minh, khi nào làm việc được với Võ Trần Anh P sẽ làm rõ và xem xét, xử lý là phù hợp.

Đối với đối tượng nữ tên Q, là người bị cáo Ngô Thanh T khai đã bán ma túy cho T ở xã Chư , thành phố P, quá trình điều tra do T không biết rõ nhân thân, địa chỉ của đối tượng Q nêu trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, khi nào xác định được đối tượng Q nêu trên, sẽ làm rõ và xử lý sau là phù hợp quy định của pháp luật.

#### **[6] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:**

##### **\*Về vật chứng vụ án:**

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại Attila màu đen, biển số 81B2-094.55 đứng tên chị Ngô Thị Diễm M, nhưng chị M xác nhận là tài sản của cha mẹ là anh T và chị V, việc xử lý giải quyết đối với chiếc xe chị không có ý kiến gì; 01 nhẫn bọc ngà voi, chạm khắc hình rồng (được làm bằng vàng, hàm lượng vàng 60,36%, khối lượng 6,6401 gam). Sau khi định giá, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã xử lý trả lại anh T là phù hợp nên HĐXX sẽ không đề cập đến trong phần quyết định.

Đối với 01 nhẫn có đính đá màu đỏ (được làm bằng vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ) không thu giữ được.

##### **\*Về trách nhiệm dân sự:**

Người bị hại anh Ngô Văn T đã được nhận lại tài sản không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Đình P đã được bồi thường và nhận số tiền 1.500.000đ từ anh Ngô Văn T, nên không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Duy X yêu cầu bị cáo Ngô Thanh T phải bồi thường số tiền 2.950.000đ. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ ông X. Xét thấy các yêu cầu này là chính đáng, hợp pháp, cần buộc bị cáo phải bồi thường theo quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 598 của Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền 2.500.000đ do bị cáo Ngô Thanh T có được do bán tài sản trộm cắp là nhẫn có đính đá màu đỏ (được làm bằng vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ) cho ông Trần Đình P nhưng bị hại anh Ngô Văn T không yêu cầu bồi thường, nên HĐXX ghi nhận ý kiến của người bị hại.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo **Ngô Thanh T** phạm tội ***“Trộm cắp tài sản”***.

***-Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015; được sửa đổi, bổ sung năm 2017:***

Xử phạt bị cáo **Ngô Thanh T** - 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 09/10/2020.

***-Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015:***

Buộc bị cáo Ngô Thanh T (L) phải bồi thường cho Trần Duy X số tiền 2.950.000đ (Hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

***- Căn cứ Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:***

-Buộc bị cáo Ngô Thanh T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.*

**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Sở tư pháp;
- Công an thành phố P;
- Bị cáo; người đại diện bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Thi hành án dân sự thành phố P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Hoàng Văn Tiến**